TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 21/4/2026
V/v : Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chỉ và bà Đồng Thị Mây

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên

Ngày 21/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2026/TLST-HN&GĐ ngày 10/3/2026 về việc: *Ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXX-ST ngày 23/3/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 54/2026/QĐST-HN&GĐ ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hoài H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng

Số CCCD: 030189022002 do Bộ C cấp ngày 08/7/2024

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng

Số CCCD: 030087000884 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/8/2021

(*Chị H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Anh T vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị Hoài H trình bày: Chị và anh Dương Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 16/7/2007. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T tại Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng anh chị sau khi kết hôn về chung sống với nhau đã thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, bên cạnh đó mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế nên dẫn đến vợ chồng càng thêm xa cách. Anh T là người thường xuyên chơi bời, cờ bạc, tiền lương làm được anh đều dùng để chi tiêu hoang phí, không

hỗ trợ chị chăm sóc nuôi con. Chị đã khuyên ngăn anh T nhiều lần nhưng anh không thay đổi, vẫn sa đà, chơi bời, không quan tâm vợ con. Do vậy, từ năm 2011 chị đã đưa con về bên nhà mẹ đẻ của chị ở thôn T, xã T (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) để sinh sống từ đó đến nay (tuy nhiên chị không đăng ký tạm trú hay khai báo với địa phương về việc chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị nên chị đề nghị Toà án vẫn ghi nhận địa chỉ của chị tại Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng. Bản thân anh T cũng không níu kéo hay có biện pháp gì để trao đổi, cứu vãn cuộc hôn nhân của anh chị. Anh T không liên lạc, cũng không chu cấp gì hỗ trợ chị nuôi con. Nay chị xác định bản thân chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã rơi vào bế tắc trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nay chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Huy H1, sinh ngày 02/10/2008. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng với chị tại nhà mẹ đẻ của chị ở Thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng; bố mẹ chị cũng hỗ trợ chị chăm sóc cháu. Hiện nay chị đang làm công việc tự do, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được nuôi cháu H1 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, chị H không yêu cầu Tòà án giải quyết.

Tại biên bản trình bày anh T xác định: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc do bất đồng trong quan điểm sống. Anh chị đã ly thân nhau hơn 11 năm nay. Nay anh xác định anh không còn tình cảm gì với chị H nữa, chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý. Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Huy H1, sinh ngày 02/10/2008. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng với chị H. Nay chị H xin ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, anh đề nghị giao cháu H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị Toà án giao các văn bản cho anh qua mẹ của anh.

Tại biên bản xác minh tại thôn H xác định: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại thôn H, xã N. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo địa phương nắm được do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên hiện mỗi người sống một nơi, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở và không ở cùng gia đình anh T nữa. Nay chị H xin ly hôn anh T, đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh T xác định: Chị Bùi Thị Hoài H và anh Dương Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng)

vào ngày 16/7/2007. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với vợ chồng bà tại thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng anh chị sau khi kết hôn về chung sống với nhau đã thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống bên cạnh đó hoàn cảnh kinh tế khó khăn khiến cho vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2011, chị H và anh T đã sống ly thân với nhau, chị H đưa con của anh chị về bên nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã T (nay là Thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng) sinh sống từ đó đến nay. Anh T hiện nay đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà, anh đã biết nội dung chị H xin ly hôn với anh. Anh cũng nói với bà là vợ chồng anh chị hiện nay không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh đồng ý ly hôn với chị H nhưng do công việc bận đi làm không đến Tòa án được nên anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết vắng mặt anh. Nay chị H xin ly hôn với anh T, quan điểm của bà là do anh chị đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân nên đề nghị Tòa án xem xét sớm giải quyết cho anh chị để anh chị ổn định cuộc sống. Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Huy H1, sinh ngày 02/10/2008. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng với chị H. Nay chị H xin ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, anh T cũng trao đổi với bà là đề nghị giao cháu H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi.

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử cho chị Bùi Thị Hoài H được ly hôn anh Dương Văn T. Về con chung: Giao con chung Dương Huy H1, sinh ngày 02/10/2008 cho chị Bùi Thị Hoài H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Hoài H yêu cầu xin ly hôn anh Dương Văn T và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh T hiện có nơi cư trú tại thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Dương Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hoài H và anh Dương Văn T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 16/7/2007 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không còn sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm nhau. Vợ chồng ly thân nhau từ nhiều năm nay, không còn tình cảm, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Anh T cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị H, vắng mặt tại phiên hoà giải. Chị H vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh T, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn với chị H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có 01 con chung cháu Dương Huy H1, sinh ngày 02/10/2008. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H có công việc và thu nhập ổn định, anh T cũng nhất trí để chị nuôi con. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Dương Huy H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H2 không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H có đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Hoài H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Huy H1, sinh ngày 02/10/2008 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0002513 ngày 09/3/2026. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh T. Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND xã Nam An Phụ, TP Hải Phòng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh